

Hoàn thiện phương pháp phân phối lợi nhuận sau thuế trong các doanh nghiệp nhà nước tại Việt Nam

NGUYỄN NGỌC KHÁNH

Bài viết hệ thống hóa các quy định về phân phối lợi nhuận sau thuế tại các doanh nghiệp nhà nước từ năm 1997 cho đến nay, qua đó làm rõ những kết quả đạt được và hạn chế còn tồn tại, đề xuất một số giải pháp hoàn thiện quy định việc phân phối lợi nhuận sau thuế, đảm bảo tính khoa học và thực tiễn.

Từ khóa: doanh nghiệp nhà nước, lợi nhuận sau thuế, quản lý tài chính.

1. Một số vấn đề lý luận về phân phối lợi nhuận sau thuế trong các doanh nghiệp nhà nước

Theo Luật Doanh nghiệp năm 2014, doanh nghiệp nhà nước (DNNN) là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh và do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ. Phạm vi đầu tư vốn nhà nước để thành lập DNNN trọng tâm vào hoạt động trong các lĩnh vực cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu, bảo đảm an sinh xã hội, lĩnh vực trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh, lĩnh vực độc quyền tự nhiên, lĩnh vực ứng dụng công nghệ cao, đầu tư lớn, tạo động lực phát triển nhanh cho các ngành, lĩnh vực khác và nền kinh tế. DNNN tại Việt Nam có những đặc điểm chính như: (1) chủ sở hữu vốn là Nhà nước, cơ quan đại diện chủ sở hữu là các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật, các tổ chức này được Chính phủ giao thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp do mình quyết định thành lập hoặc được giao quản lý; (2) cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định tổ chức quản lý DNNN theo mô hình chủ tịch công ty, giám đốc (hoặc tổng giám đốc) và kiểm soát viên hoặc mô hình hội đồng thành viên, giám đốc (hoặc tổng giám đốc) và kiểm soát viên; (3) DNNN có tư cách

pháp nhân, có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, đảm bảo mục tiêu định hướng, điều tiết, ổn định kinh tế vĩ mô mang tính chiến lược trong từng thời kỳ, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa...

Quản lý tài chính các DNNN luôn là nội dung hết sức quan trọng tác động lớn tới quá trình tồn tại và phát triển của các DNNN, quản lý tài chính bao gồm các nội dung như quản lý hoạt động huy động vốn, hoạt động đầu tư, sử dụng vốn, phân phối lợi nhuận sau thuế, quản lý dòng tiền...

Phân phối lợi nhuận sau thuế là một nội dung quan trọng của công tác quản lý tài chính tại các doanh nghiệp nói chung và DNNN nói riêng. Việc phân phối lợi nhuận sau thuế trong các DNNN thường phải đảm bảo các nguyên tắc cơ bản như: đảm bảo các quy định pháp luật của nhà nước về quản lý tài chính nói chung và phân phối lợi nhuận sau thuế nói riêng; đảm bảo khả năng thanh toán đối với các khoản đầu tư, chi trả cho người lao động, các tổ chức tín dụng; đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên, việc phân phối lợi nhuận phải đảm bảo lợi ích giữa các bên liên quan như doanh nghiệp, Nhà nước, người lao động...; phù hợp với chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp, nếu doanh nghiệp tăng cường đầu tư mở rộng sản xuất thì doanh

Nguyễn Ngọc Khánh, TS., Trường đại học Mỏ - Địa chất.

nghiệp cần tăng tỷ lệ trích quỹ đầu tư phát triển nhằm chủ động nguồn vốn cho hoạt động đầu tư. Hàng năm, đối với các DNNN, việc phân phối lợi nhuận sau thuế thực hiện đúng nguyên tắc theo quy định của pháp luật.

2. Thực trạng phương pháp phân phối lợi nhuận sau thuế trong các doanh nghiệp nhà nước tại Việt Nam

Theo Ban Chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp, tính đến thời điểm 31-1-2015 toàn quốc có 488.148 doanh nghiệp đang hoạt động trong đó doanh nghiệp mà Nhà nước giữ 100% vốn là 806 doanh nghiệp. Thực trạng phương pháp phân phối lợi nhuận sau thuế tại các DNNN trong giai đoạn 1997 đến nay được nghiên cứu thể hiện qua những quy định của pháp luật, đây cũng là quy định bắt buộc cho các DNNN tại Việt Nam:

Giai đoạn từ năm 1997 đến năm 1999

Bắt đầu từ ngày 1-1-1997, việc phân phối lợi nhuận sau thuế tại các DNNN được thực hiện theo Nghị định số 59/1996/NĐ-CP ngày 3-10-1996 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh đối với DNNN.

Giai đoạn từ tháng 5-1999 đến năm 2004

Sau một thời gian thực hiện Nghị định 59/1996 xét thấy một số nội dung của Nghị định 59/1996/NĐ-CP chưa phù hợp, vì vậy Chính phủ ban hành Nghị định 27/1999/NĐ-CP ngày 20-4-1999, có hiệu lực từ ngày 6-5-1999. Theo đó, cơ bản giữ nguyên nội dung trọng phần phân phối lợi nhuận sau thuế tại các DNNN, chỉ thay đổi phần lợi tức trích cho quỹ đầu tư phát triển là 50% chứ không còn là 50% trở lên, không hạn chế mức tối đa. Bên cạnh đó, ngày 7-6-1999, Bộ Tài chính cũng ban hành Thông tư số 64/1999/TT-BTC hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận sau thuế và quản lý các quỹ trong các DNNN.

Giai đoạn từ năm 2004 đến năm 2009

Ngày 3-2-2004, Chính phủ ban hành Nghị định số 199/2004/NĐ-CP thay thế Nghị định 27/1999/NĐ-CP, trong đó quy định phân phối lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp có một số điểm thay đổi như sau:

- Trích Quỹ đầu tư phát triển là tối thiểu 30% chứ không phải là 50%.

- Sẽ không trích quỹ dự phòng và mất việc làm như các quy định trước đó.

- Quỹ khen thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp không quá 5%. Đây là điểm mới so với các quy định trước đó, doanh nghiệp sử dụng quỹ này để động viên, đảm bảo quyền lợi cho viên chức quản lý trong việc điều hành doanh nghiệp. Đại diện chủ sở hữu quyết định tỷ lệ trích cụ thể vào các quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng ban quản lý điều hành công ty trên cơ sở đề nghị của hội đồng quản trị (đối với công ty có hội đồng quản trị) hoặc giám đốc (đối với công ty không có hội đồng quản trị).

- Đối với những công ty nhà nước hoạt động trong lĩnh vực độc quyền được trích tối đa không quá 3 tháng lương thực hiện cho 2 quỹ khen thưởng và phúc lợi. Số lợi nhuận còn lại sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi được bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển của công ty.

- Đối với công ty đầu tư thành lập mới trong 2 năm liên kế từ khi có lãi nếu phân phối lợi nhuận như trên mà 2 quỹ khen thưởng, phúc lợi không đạt 2 tháng lương thực tế thì công ty được giảm phần trích quỹ đầu tư phát triển để đảm bảo đủ 2 tháng lương cho 2 quỹ này. Mức giảm tối đa bằng toàn bộ số trích Quỹ đầu tư phát triển trong kỳ phân phối lợi nhuận năm đó.

- Đối với công ty nhà nước được thiết kế và thực tế thường xuyên, ổn định cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do nhà nước đặt hàng hoặc giao kế hoạch khi phân phối lợi nhuận như trên mà không đủ trích quỹ khen thưởng và phúc lợi theo mức 2 tháng lương, thực hiện như sau:

+ Trường hợp lãi ít công ty được giảm trích quỹ đầu tư phát triển, giảm phần lợi nhuận được chia theo vốn nhà nước để cho đủ 2 tháng lương cho 2 quỹ. Nếu giảm toàn bộ số tiền trên mà vẫn chưa đủ 2 tháng lương cho 2 quỹ thì sẽ được Nhà nước trợ cấp cho đủ.

+ Trường hợp không có lãi thì Nhà nước sẽ trợ cấp đủ để trích lập 2 quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 2 tháng lương.

Còn việc bù lỗ năm trước (nếu có), chia lãi cho các bên góp vốn liên kết (nếu có), trích các quỹ đặc thù theo quy định, trích quỹ dự phòng tài chính thì không có gì thay đổi so với giai đoạn trước.

Giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2013

Ngày 5-2-2009, Chính phủ ban hành Nghị định số 09/2009/NĐ-CP thay thế Nghị định số 199/2004/NĐ-CP, quy định phân phối lợi nhuận sau thuế trong doanh nghiệp có điểm thay đổi khác so với giai đoạn trước đó là việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi. Ở giai đoạn này việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của doanh nghiệp dựa trên việc xếp loại doanh nghiệp.

Ngày 31-7-2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 155/2009/TT-BTC hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận của công ty nhà nước theo quy định tại Nghị định số 09/2009/NĐ-CP.

Giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2015

Từ ngày 1-9-2013, việc phân phối lợi nhuận sau thuế của DNNN thực hiện theo quy định tại Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ban hành ngày 11-7-2013, một số điểm lưu ý như: không trích quỹ dự phòng tài chính; trích 30% vào quỹ đầu tư phát triển chứ không như giai đoạn trước trích tối thiểu 30%; quỹ khen thưởng viên chức quản lý trích theo xếp hạng doanh nghiệp (cụ thể: doanh nghiệp loại A trích 1,5 tháng lương thực hiện; doanh nghiệp loại B trích 1 tháng lương thực hiện; doanh nghiệp loại C hoặc doanh nghiệp không trường hợp xếp loại: Không được trích).

Giai đoạn từ năm 2015 đến nay

Việc phân phối lợi nhuận sau thuế tại các DNNN thực hiện theo Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 1-12-2015 về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp (thay thế cho Nghị định 71/2013/NĐ-CP) nhằm phù hợp với những quy định của Luật Doanh nghiệp 2014. Theo đó, lợi nhuận của DNNN sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp thu nhập doanh nghiệp, trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của

pháp luật, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự như sau:

- Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có).

- Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định.

- Lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này được phân phối theo thứ tự như sau:

- + Trích quỹ đặc thù theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ (nếu có).

- + Trích tối đa 30% vào quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp.

- + Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động trong doanh nghiệp (doanh nghiệp xếp loại A được trích 3 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi; doanh nghiệp xếp loại B được trích 1,5 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi; doanh nghiệp xếp loại C được trích 1 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi; doanh nghiệp không thực hiện xếp loại thì không được trích lập hai quỹ khen thưởng, phúc lợi).

- Trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên: doanh nghiệp xếp loại A được trích 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên; doanh nghiệp xếp loại B được trích 01 tháng lương thực hiện của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên; doanh nghiệp xếp loại C hoặc doanh nghiệp không thực hiện xếp loại thì không được trích lập quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên.

- Trường hợp số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập Quỹ đầu tư phát triển quy định tại Điểm b Khoản này mà không đủ nguồn để trích các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên theo mức quy định thì doanh nghiệp được giảm trừ phần lợi nhuận trích lập quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn trích lập đủ quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên theo mức

quy định, nhưng mức giảm tối đa không quá mức trích vào Quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính.

- Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ quy định được nộp về Ngân sách nhà nước.

Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng đã ban hành Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31-12-2015 hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 3-10-2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Thông tư số 61/2016/TT-BTC ngày 11-4-2016 về hướng dẫn thu, nộp và quản lý khoản lợi nhuận, cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

Cụ thể, theo Điều 8 của Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31-12-2015, DN nhà nước thực hiện phân phối lợi nhuận theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP và các quy định sau:

- Trường hợp trong năm tài chính doanh nghiệp vừa phát sinh lỗ sản xuất, kinh doanh được chuyển sang năm tiếp sau (thu nhập chịu thuế âm), vừa phát sinh lợi nhuận (lãi) do có khoản thu nhập không phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc có lỗ lũy kế từ năm trước được chuyển trừ vào thu nhập chịu thuế của năm tiếp theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp thì doanh nghiệp chỉ được sử dụng phần chênh lệch lợi nhuận còn lại trong năm tài chính sau khi đã trừ số lỗ nêu trên để thực hiện phân phối, trích lập các quỹ theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 31 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP.

- Căn cứ để trích lập quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên xác định như sau:

+ Về xếp loại doanh nghiệp A, B, C làm căn cứ trích lập các quỹ thực hiện theo quy định của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước và thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

+ Về tiền lương tháng thực hiện làm căn cứ trích lập các quỹ:

- Đối với trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi doanh nghiệp nhà nước: căn cứ quỹ tiền lương thực hiện trong năm tài chính của người lao động của doanh nghiệp được xác định theo quy định tại Nghị định số 50/2013/NĐ-CP ngày 14-5-2013 của Chính phủ về quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) chia (:) cho 12 tháng.

- Đối với trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên: căn cứ quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của viên chức quản lý (chuyên trách và không chuyên trách) được xác định theo quy định của Nghị định số 51/2013/NĐ-CP ngày 14-5-2013 của Chính phủ về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên Hội đồng thành viên hoặc chủ tịch công ty, kiểm soát viên, tổng giám đốc hoặc giám đốc, phó tổng giám đốc hoặc phó giám đốc, kế toán trưởng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có), chia (:) cho 12 tháng.

Ngoài ra, Thông tư số 61/2016/TT-BTC ngày 11-4-2016 quy định về việc xác định lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ nộp ngân sách nhà nước, cụ thể:

- Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ nộp ngân sách nhà nước của doanh nghiệp quy định tại Khoản 1 Điều 2 Chương I Thông tư này là lợi nhuận được xác định theo quy định của pháp luật về kế toán (đã được trừ đi các khoản chi không được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp nhưng phù hợp với quy định của pháp luật về kế toán) sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, trừ đi các khoản phân phối, trích lập các quỹ theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13-10-2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp

và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31-12-2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13-10-2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp. Đối với các trường hợp Chính phủ có quy định riêng về phân phối, trích lập các quỹ thì thực hiện trích lập các quỹ theo quy định riêng của Chính phủ, lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi phân phối, trích lập các quỹ phải nộp vào Ngân sách nhà nước.

- Đối với lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ: căn cứ quy chế tài chính của các công ty con do công ty mẹ ban hành, hàng năm công ty mẹ có trách nhiệm phê duyệt báo cáo tài chính và quyết định việc phân phối, sử dụng lợi nhuận sau thuế tại các công ty con để tiến hành thu lợi nhuận sau thuế của các công ty con. Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ (công ty mẹ thuộc đối tượng quy định tại Điều 3 Thông tư này) thực hiện nộp lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ về công ty mẹ, công ty mẹ hạch toán doanh thu tài chính theo cùng niên độ tài chính để xác định lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định. Trường hợp sau khi đã phê duyệt báo cáo tài chính, quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế và thu lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ của các công ty con mà vốn chủ sở hữu tại công ty con lớn hơn mức vốn điều lệ đã được công ty mẹ phê duyệt thì công ty mẹ thực hiện thu khoản chênh lệch giữa vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ của công ty con về công ty mẹ và hạch toán là khoản doanh thu tài chính của công ty mẹ, xác định lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của công ty mẹ phải nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với cổ tức, lợi nhuận được chia của các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của công ty mẹ: công ty mẹ hạch toán các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty cổ phần, công ty

trách nhiệm hữu hạn hai thành viên có vốn góp của công ty mẹ vào doanh thu tài chính, xác định lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp theo quy định. Thời điểm hạch toán cổ tức, lợi nhuận được chia vào doanh thu tài chính của công ty mẹ là thời điểm nhận được thông báo chia cổ tức, lợi nhuận của hội đồng quản trị (đối với cổ tức được chia tại công ty cổ phần) hoặc nghị quyết của hội đồng thành viên đã được các thành viên thông qua có hiệu lực thi hành (đối với lợi nhuận được chia tại công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên).

Công ty mẹ có vốn góp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có trách nhiệm biểu quyết chi trả cổ tức khi có đủ các Điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp đồng thời đề nghị, đơn đốc công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên nộp phần cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn góp của công ty mẹ về công ty mẹ.

Trường hợp công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của công ty mẹ vi phạm thời hạn chia cổ tức, lợi nhuận theo quy định của Luật Doanh nghiệp thì công ty mẹ có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài chính và cơ quan chủ quản của công ty mẹ để xử lý theo quy định của pháp luật. Trường hợp công ty mẹ nhận được cổ phiếu của công ty cổ phần có vốn góp của công ty mẹ mà không phải thanh toán do công ty cổ phần sử dụng thặng dư vốn cổ phần, các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, doanh nghiệp căn cứ vào số lượng cổ phiếu nhận được thực hiện mở sổ kế toán theo dõi, ghi chép và phản ánh trên báo cáo tài chính theo quy định của chế độ kế toán hiện hành đối với các doanh nghiệp.

Ngoài ra, theo Thông tư số 61/2016/TT-BTC về phân chia ngân sách nhà nước thì lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ nộp ngân sách nhà nước quy định tại Điều này của doanh nghiệp trung ương được phân chia 100% cho ngân sách trung ương. Doanh nghiệp thực hiện nộp vào tài khoản thu ngân sách nhà nước mở tại Sở Giao dịch Kho bạc nhà nước trung

ương. Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ nộp ngân sách nhà nước quy định tại Điều này của doanh nghiệp địa phương được phân chia 100% cho ngân sách địa phương. Doanh nghiệp thực hiện nộp vào tài khoản thu ngân sách nhà nước mở tại kho bạc nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính.

Như vậy, dù Nhà nước mở rộng việc phân cấp cho các DNNN trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh nhưng việc phân phối lợi nhuận sau thuế lại được quy định rất chặt chẽ nhằm đảm bảo những nguyên tắc về phân phối lợi nhuận sau thuế. Mặc dù các quy định về phân phối lợi nhuận sau thuế tại các DNNN được sửa đổi một cách thường xuyên, bên cạnh những tác dụng đạt được, cũng có thể trong những điều kiện nhất định sẽ không tránh khỏi một số hạn chế. Chẳng hạn, trong Nghị định 91/2015/NĐ-CP vẫn còn 2 vấn đề cần khắc phục:

- Việc trích lập quỹ đầu tư phát triển chưa có ràng buộc về mức trích tối thiểu, do vậy một số lãnh đạo DNNN có thể vì những mục tiêu ngắn hạn dẫn tới không trích hoặc trích rất thấp, ảnh hưởng đến việc đảm bảo quy định vốn đối ứng cho việc thực hiện các dự án của doanh nghiệp trong giai đoạn sắp tới.

- Việc trích lập các quỹ khen thưởng phúc lợi còn phụ thuộc vào việc xếp loại doanh nghiệp hàng năm, trong khi việc xếp loại doanh nghiệp dựa trên nhiều tiêu chí, giữa các tiêu chí lại có mối quan hệ biện chứng với nhau.

3. Giải pháp hoàn thiện phương pháp phân phối lợi nhuận sau thuế trong các DNNN tại Việt Nam

Phân phối lợi nhuận nói chung và phân phối lợi nhuận sau thuế nói riêng trong các DNNN tại Việt Nam ngày càng trở nên quan trọng nhằm mục tiêu thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp và người lao động, tạo động lực đóng góp của nhà quản trị doanh nghiệp cũng như người lao động. Theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp có nghĩa vụ nộp thuế cho ngân sách Nhà nước theo đúng qui định của pháp luật, phần lợi nhuận còn lại được phân

phối và sử dụng theo chính sách của Nhà nước. Trong khi đó, việc phân phối lợi nhuận sau thuế cần đảm bảo được 2 nguyên tắc cơ bản, đó là đảm bảo được lợi ích của doanh nghiệp với các chủ thể khác và đảm bảo hài hòa lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của doanh nghiệp trong tương lai.

Trong bối cảnh Chính phủ đang đẩy mạnh cải cách nền kinh tế nói chung và DNNN nói riêng nhằm nâng cao sức cạnh tranh nền kinh tế, phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế, nghiên cứu này đặt trọng tâm vào việc phân phối lợi nhuận sau thuế trong các DNNN để hình thành quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi nhằm phát huy vai trò ngày càng quan trọng của DNNN trong nền kinh tế. Theo đó, cần chú ý một số nội dung trọng tâm sau:

Một là, xác định giá trị tối thiểu của quỹ đầu tư phát triển trích lập trong năm

Hiện nay, cần có quy định về mức trích tối thiểu cho quỹ đầu tư phát triển. Mức trích cho quỹ đầu tư phát triển năm nay sẽ phụ thuộc vào 2 yếu tố: mức trích cho quỹ đầu tư phát triển năm trước và hiệu quả hoạt động năm nay của doanh nghiệp.

Công thức xác định:

$$\Delta TPT_{\min} = \Delta TPT_0 + \Delta \Delta TPT \quad (1)$$

Trong đó:

- ΔTPT_0 : mức trích lợi nhuận sau thuế cho quỹ đầu tư phát triển của năm liền trước năm phân tích.

- $\Delta TPT_{\min}$: mức trích tối thiểu cho quỹ đầu tư phát triển năm phân tích.

- $\Delta \Delta TPT$: mức tăng, giảm quỹ đầu tư phát triển điều chỉnh theo tỷ suất $LN/VCSH_{bq}$.

$$\Delta \Delta TPT = \Delta TPT_0 \times \left(\frac{\gamma_1}{\gamma_0} - 1 \right)$$

Trong đó:

- γ_1 : tỷ suất lợi nhuận/ $VCSH_{bq}$ năm phân tích.

- γ_0 : tỷ suất lợi nhuận/ $VCSH_{bq}$ năm liền trước năm phân tích (năm gốc).

Do phải đảm bảo quy định tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP với mức trích quỹ đầu tư phát triển tối đa là 30%, như vậy áp dụng công thức (1)

phải đảm bảo $DTPT_{\min} \leq 30\% \times LNST$, trường hợp sau khi tính toán cho thấy $DTPT_{\min} > 30\% \times LNST$ thì chỉ được trích quỹ đầu tư phát triển với mức trích bằng $30\% \times LNST$.

Tác dụng của việc ràng buộc mức trích tối thiểu cho quỹ đầu tư phát triển sẽ thúc đẩy người quản lý DNNN chú trọng hơn đến các mục tiêu phát triển dài hạn của doanh nghiệp. Ngoài ra, cũng có thể xác định mức trích tối thiểu cho quỹ đầu tư phát triển theo đúng lãi suất cơ bản mà Ngân hàng Nhà nước ban hành, cụ thể:

$DTPT_{\max} = 30\% \times LNST$ (theo Nghị định 91/2015/NĐ-CP).

$DTPT_{\min} = r \times VCSH_{bp} \div R \times VCSH_{bq}$

r: lãi suất cơ bản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (%).

R: lãi suất (theo quy định Bộ Luật dân sự, trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay)

$DTPT_{\max}$: Mức trích quỹ đầu tư phát triển năm phân tích theo quy định pháp luật.

Hai là, xác định giá trị tối đa quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập trong năm

Mức trích lập tối đa cho quỹ khen thưởng phúc lợi năm phân tích phụ thuộc vào mức trích lập cho quỹ khen thưởng phúc lợi năm liền trước và mức tăng, giảm quỹ khen thưởng phúc lợi được điều chỉnh theo năng suất lao động.

Công thức xác định:

$KTPL_{\max} = KTPL_0 + \Delta KTPL$

Trong đó:

- $KTPL_{\max}$: mức trích tối đa cho quỹ khen thưởng phúc lợi nói chung tại năm phân tích (bao gồm cả quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động và người quản lý doanh nghiệp).

- $KTPL_0$: mức trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm trước.

- $\Delta KTPL$: mức tăng, giảm quỹ khen thưởng, phúc lợi điều chỉnh theo năng suất lao động:

$$\Delta KTPL = KTPL_0 \times \left(\frac{W_1}{W_0} - 1 \right)$$

Với: W_1 là năng suất lao động năm phân tích
 W_0 là năng suất lao động năm liền trước năm phân tích

$\frac{GTGT}{N \times T}$	$=$	$\frac{\text{Giá trị gia tăng}}{\text{Số lượng lao động} \times \text{Thời gian lao động}}$
---------------------------	-----	---

Sau khi xác định được $KTPL_{\max}$ tiến hành phân bổ cho quỹ khen thưởng phúc lợi người lao động và cho viên chức quản lý doanh nghiệp, có thể theo công thức:

$$KTPL_{ngld} = \frac{KTPL_{\max}}{\sum QL_{ngld} + \sum QL_{ngql}} \times \sum QL_{ngld}$$

$KTPL_{ngql} = KTPL_{\max} - KTPL_{ngld}$

Trong đó:

- $KTPL_{ngld}$: mức trích cho quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động năm phân tích.

- $KTPL_{ngql}$: mức trích cho quỹ khen thưởng, phúc lợi người quản lý doanh nghiệp năm phân tích.

- $\sum QL_{ngld}$: tổng quỹ lương của người lao động năm phân tích.

- $\sum QL_{ngql}$: tổng quỹ lương của người quản lý doanh nghiệp năm phân tích.

Thông qua việc khen thưởng cuối kỳ với các mức khen thưởng hợp lý sẽ góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của các DNNN và nâng cao năng suất lao động cũng như trách nhiệm của người quản lý đối với đồng vốn của Nhà nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2015), Nghị định 91/2015/NĐ-CP về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.
2. Bộ Tài chính (2016), Thông tư số 61/2016/TT-BTC ngày 11-4-2016 về hướng dẫn thu, nộp và quản lý khoản lợi nhuận, cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.
3. Bộ Tài chính (2015), Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31-12-2015 hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 3-10-2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.
4. Mai Công Quyền (2015), *Quản lý của nhà nước đối với vốn nhà nước tại các tổng công ty xây dựng nhà nước*, Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
5. Bùi Văn Vần, Vũ Văn Ninh (2013), *Giáo trình Tài chính doanh nghiệp*, Học viện Tài chính.